

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HSST

Ngày: 02 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Thẩm phán: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Danh Hoàng Duyên
- Bà Trần Thị Ngọc Trân
- Ông Đoàn Văn Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Lý Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T (Nguyễn Đình Q, Nguyễn T); sinh ngày: 23/12/1964 tại Hải Phòng.

Nơi ĐKTT: Số 1C/1 khu tập thể cá hộp (1C tập thể Đánh Cá; 307/108 L) phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Q1 và bà Lê Thị L; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 24/4/1982 bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án hình sự sơ thẩm số 61/HSST. Hiện đã được xóa án tích.

+ Ngày 11/4/1984 bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án hình sự

sơ thẩm số 38-HS/ST. Đến ngày 19/5/1986 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

+ Ngày 27/6/1986 bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 60 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án hình sự sơ thẩm số 65/HSST. Đến ngày 14/3/1991 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị truy nã và bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2023 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Nguyễn D – Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Võ Ngọc M (đã mất)

- *Đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1942 (mẹ của bị hại) (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1967 (vợ của bị hại) (có đơn xin vắng mặt)

3. Bà Võ Kim H, sinh năm 1991 (con của bị hại) (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Võ Ngọc N, sinh năm 1995 (con của bị hại) (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Chung cư C đường L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Thu M1, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/03/2000, Nguyễn Tấn T cùng với Nguyễn L1 và Bùi Văn L2 đến quán nhậu của Ngô Văn V ở khu phố I, xã A, huyện P (nay phường A, thành phố P), tỉnh Kiên Giang để uống rượu, T nhìn thấy Võ Ngọc M cùng với Nguyễn Công B, Nguyễn Thanh V1 và Nguyễn H1 đều là bạn quen biết với nhau đang uống rượu trước tại đây nên T cùng L1 và L2 vào ngồi chung bàn cùng uống rượu. Trong quá trình uống rượu, giữa Thùy và M xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, do không ai uống rượu nữa nên M nói “*Nếu không uống tao đổ bàn nhậu đi về*”. T nói với M “*Nếu mày đổ bàn rượu là có đổ máu*”, nghe vậy M đòi đánh T, T liền đứng vậy đi lại bàn để đồ bán của V lấy 01 cái tô định ném M thì được H1 can ngăn T lại rồi cùng nhau rời khỏi quán. Sau khi ra khỏi quán, M cùng với B, V1 và H1 dùng tay và ghế xông vào xô, đẩy và đánh nhau với T được một lúc thì được L2 can ngăn nên cả nhóm dừng lại, còn T bỏ chạy đến tiệm bán tạp hóa gần đó mua 02 cây dao Thái Lan cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi

dao bằng kim loại cầm trên tay bên phải quay trở lại quán, H1 nhìn thấy liền lấy cái ghế nhựa đánh 01 cái trúng vào người của T. Lúc này M nói với T rằng “*Mày cầm dao đánh cho mày chết mẹ luôn*”, liền xông vào dùng tay, chân đánh, đá trúng vào người của T, T dùng 01 cây dao mang theo, cầm trên tay phải đâm 02 nhát trúng vào vùng ngực và bụng bên phải của M, làm cho M ngã xuống nền cát chết tại chỗ.

Sau khi đâm M xong, T cầm 02 cây dao bỏ trốn và thay đổi tên thành Nguyễn Đình Q. Đến ngày 02/10/2023, T bị bắt theo Quyết định truy nã số 04 ngày 31/3/2000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K.

* Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 21 giờ 00 phút ngày 19/3/2000 của Hội đồng khám nghiệm hiện trường cùng với kết quả khám nghiệm tử thi đối với Võ Ngọc M, sinh năm 1967:

- Phần đầu: Không phát hiện có dấu vết gì.

- Phần mình: Vết thương dài 19cm, đi từ đường trung đoàn phải, lan sườn 5 cạnh vú phải chích xuống tận trên đường trung đoàn trái ngang sườn 7 cách đầu vú trái 7cm, khoảng cách giữa 2 mép da 6cm, thấy lồng ngực bên trong; đứt xương ức và các xương sườn, rách màng tim từ tâm nhĩ phải đến tâm thất trái kích thước dài 7cm, rộng 6cm.

- Rách phổi phải phân thùy giữa kích thước dài 3cm, sâu 2cm.

- Vết thương dưới vú phải, lan sườn 5 dài 4cm, sâu thấu phổi.

- Tứ chi: Không phát hiện có dấu vết gì.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Hiện tại, Bùi Thị C và Trần Thị Đ là mẹ ruột và vợ của bị hại Võ Ngọc M không yêu cầu Nguyễn Tấn T phải bồi thường các khoản chi phí nên không xem xét.

Tại bản Cáo trạng số: 51/CT-VKSKG-P2 ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Giết người”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 (điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* **Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau:** Vị đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “*Giết người*”, theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 và nhận định rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của bị hại một cách trái pháp luật, gây ra cảnh đau thương mất mát cho gia đình người bị hại; đồng thời còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, khiến cho vụ án phải kéo dài. Do đó, cần phải xử lý bị cáo mức án nghiêm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị

cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Từ những căn cứ trên đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn T – **Mức án từ 15 đến 16 năm tù.**

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu Nguyễn Tấn T phải bồi thường nên không xem xét.

Luật sư phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo cho rằng: Thống nhất tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại cũng có một phần lỗi, nên đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ nghiêm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi bị truy tố của bị cáo:*

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/03/2000, do có mâu thuẫn, cự cãi trong lúc uống rượu cùng nhau, Nguyễn Tấn T đã đi mua hai cây dao Thái lan cán vàng xông đến và dùng một cây đâm 02 nhát trúng vào vùng ngực và bụng bên phải của Võ Ngọc M, làm cho M ngã xuống nền cát chết tại chỗ. Qua khám nghiệm tử thi của Võ Ngọc M thể hiện: Vết thương dài 19cm, đi từ đường trung đoàn phải, lan sườn 5 cạnh vú phải chích xuống tận trên đường trung đoàn trái ngang sườn 7 cách đầu vú trái 7cm, khoảng cách giữa 2 mép da 6cm, thấy lồng ngực bên trong; đứt xương ức và các xương sườn, rách màng tim từ tâm nhĩ phải đến tâm thất trái kích thước dài 7cm, rộng 6cm; Rách phổi phải phân thùy giữa kích thước dài 3cm, sâu 2cm; Vết thương dưới vú phải, lan sườn 5 dài 4cm, sâu thấu phổi.

Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp

với nội dung Cáo trạng, kết luận điều tra, Biên bản khám nghiệm tử thi và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Tân T phạm tội “*Giết người*”, theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985 (điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:*

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, bất kì ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm minh. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong lúc uống rượu, lời qua tiếng lại dẫn đến bị cáo và bị hại xô xát lẫn nhau, bị cáo đã dùng dao Thái lan đâm vào vùng ngực và bụng của bị hại, dẫn đến bị hại chết tại chỗ ngay sau đó.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại một cách trái pháp luật, gây ra nỗi đau, mất mát không gì có thể bù đắp được đối với gia đình người bị hại; đồng thời còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện bản chất côn đồ, hung hăng, thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực. Xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị kết án và bị xử phạt bằng hình phạt tù có thời hạn, nhưng bị cáo không biết hoàn lương, làm lại cuộc đời mà vẫn tiếp tục phạm tội. Sau khi gây án xong, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn rất nhiều cho cơ quan tiến hành tố tụng, làm cho việc giải quyết vụ án phải kéo dài hơn 20 năm. Với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, cần tuyên cho bị cáo mức án nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có một phần lỗi. Do đó, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:* Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án xử phạt bị cáo là phù hợp.

[6] *Xét đề nghị của Luật sư:* Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, mức án Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo thấp hơn đề nghị của

Viện kiểm sát là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên không chấp nhận.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Sau khi bị hại chết, bà Huỳnh Thị Thu M1 (chị dâu của bị hại) đã đứng ra tổ chức mai táng cho bị hại với chi phí là 100.000.000 đồng. Nay phía bà M1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền này nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, những người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn T phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào nên HĐXX không xem xét.

[8] *Về xử lý vật chứng:* Không có

[9] *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. **Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Tấn T** (Nguyễn T, Nguyễn Đình Q) phạm tội “**Giết người**”, theo điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 1985 (điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: Điểm g khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 1985, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn T** (N, Nguyễn Đình Q) **15 (Mười lăm) năm tù**, thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 03/10/2023.

2. **Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. **Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (5);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Nguyễn Thành Quang